TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 18/2023/QĐST-DS	*Ứng Hòa, ngày 26 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1964

Địa chỉ: Pa-ĐT1 T – N2, T1, quận C, TP. Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Trương Văn P – sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ b, phường T2, quận T2, TP. Hà Nội.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trương Văn N - sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn T3, xã V1, huyện Ư, TP. Hà Nội

3.2. Ông Trương Văn X – sinh năm 1956

Địa chỉ: Số nhà c, đường Đ, phường C, quận B, Hà Nội

3.3. Ông Trương Văn P1 – sinh năm 1967

3.4. Ông Trương Văn T – sinh năm 1973

Đều địa chỉ: Thôn T3, xã V1, huyện Ư, TP. Hà Nội

(Ông P1 có văn bản uỷ quyền cho ông P ngày 03/01/2023)

3.5. Chị Trương Thị H – sinh năm 1989

3.6. Anh Trương Tuấn A – sinh năm 1991

Địa chỉ: Pa-ĐT1 T – N2, T1, quận C, TP. Hà Nội.

(*Chị H có Văn bản uỷ quyền cho anh Tuấn A ngày 08/4/2021*)

3.7. Bà Dương Thị P2 – sinh năm 1968

3.8. Anh Trương Công L – sinh năm 1989

Người đại diện hợp pháp cho anh L là bà Dương Thị P2.

3.9. Anh Trương Quang V – sinh năm 1996

Đều có HKTT: Tổ d, A1, phường K, quận C1. TP. Đà Nẵng

(Anh V có văn bản uỷ quyền cho bà P2 ngày 06/02/2023)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Di sản thừa kế:

Các đương sự đều thống nhất và xác nhận di sản thừa kế mà cụ Trương Văn K (sinh năm 1925 chết 2002) và cụ bà Nguyễn Thị T4 (sinh năm 1922 chết năm 1994) là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 361 tờ bản đồ 02, diện tích 198,27m^2 (theo biên bản thẩm định) tại thôn Phù Yên, xã Viên An, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

Các đương sự đều thống nhất: Giá trị nhà ở và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên đều đã hết giá trị sử dụng.

2.2. Hàng thừa kế:

Các đương sự đều xác nhận cụ Trương Văn K và cụ Nguyễn Thị T4 sinh được 06 người con lần lượt là: Trương Văn N - sinh năm 1952, Trương Văn X – sinh năm 1956, Trương Văn S – sinh năm 1958 (chết năm 2009), Trương Văn H3– sinh năm 1960 (chết năm 2003), Trương Văn P – sinh năm 1963, Trương Văn P1 – sinh năm 1967 và Trương Văn T – sinh năm 1973. Vợ cH cụ K và cụ T4 không có con riêng, con nuôi nào khác.

Ông Trương Văn S có vợ là bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1964, con là Trương Thị H – sinh năm 1989 và Trương Tuấn A – sinh năm 1991.

Ông Trương Văn H3 có vợ là Dương Thị P2 – sinh năm 1968, con là Trương Công L – sinh năm 1989, Trương V Quang sinh năm 1996.

2.3. Chia di sản thừa kế:

Các đương sự đều thoả thuận thống nhất di sản thừa kế của cụ Trương Văn K và cụ Nguyễn Thị T4 sẽ được chia cho ông Trương Văn P và vợ con của ông Trương Văn Sơn là bà Nguyễn Thị H, chị Trương Thị H và anh Trương Tuấn A.

Phần di sản vợ con ông Trương Văn Sơn được nhận: bà Nguyễn Thị H, chị Trương Thị H và anh Trương Tuấn A thống nhất để cho anh Trương Tuấn A toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt.

2.3.1. Chia cho anh Trương Tuấn A được nhận phần di sản thừa kế là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 122,46 thuộc một phần thửa đất 361, tờ bản đồ 2 tại thôn Phù Yên, xã Viên An, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội. Diện

tích này được thể hiện trong sơ đồ thửa đất bằng Hình H1 và H2 gồm các điểm 89345678. Có tứ cận và chiều dài các cạnh như sau:

+ Phía Bắc thửa đất được chia cho ông Trương Văn P (từ điểm 8 đến điểm 9) dài 21,03m; giáp thửa 332, tờ bản đồ số 2 (từ điểm 3 đến điểm 4) dài 7,70m.

+ Phía Đông giáp thửa 364, tờ bản đồ số 2 (từ điểm 4 đến điểm 5) dài 6,0m

+ Phía Nam giáp thửa 362 tờ bản đồ số 2 (từ điểm 5 đến điểm 6) dài 6,20 và (từ điểm 6 đến điểm 7) dài 20,75m

+ Phía Tây giáp đất công (từ điểm 7 đến điểm 8) dài là 3,61m và giáp phần diện tích đất chia cho ông Trương Văn P (từ điểm 9 đến điểm 3) dài 3,39m

2.3.2. Chia cho ông Trương Văn P được nhận phần di sản thừa kế là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 75,81m^2 thuộc một phần thửa đất 361, tờ bản đồ 2 tại thôn Phù Yên, xã Viên An, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội. Diện tích này được thể hiện trong sơ đồ thửa đất bằng Hình H3 gồm các điểm 123981. Có tứ cận và chiều dài các cạnh như sau:

+ Phía Bắc giáp thửa 332, tờ bản đồ số 2 (từ điểm 1 đến điểm 3) dài 19.16m.

+ Phía Đông giáp diện tích đất chi cho anh Trương Tuấn A (từ điểm 3 đến điểm 9) dài 3,39m

+ Phía Nam phần diện tích đất chia cho anh Trương Tuấn A (từ điểm 9 đến điểm 8) dài 21,03m

+ Phía Tây giáp đất công (từ điểm 8 đến điểm 1) dài 3,61m

* Anh Trương Tuấn A và ông Trương Văn P có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề N cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất đối với diện tích đất được chia theo quy định pháp luật.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo Quyết định)

2.3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; N quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các đương sự đều thống nhất xác nhận giá trị tài sản 10.000.000đ/m^2.

Ông Trương Văn P là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trương Văn P.

Anh Trương Tuấn A tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự phần di sản thừa kế bà Nguyễn Thị H, chị Trương Thị H và anh được chia là 24.369.000đ và đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 10.000.000đ tiền án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số: 0057828 ngày 03/01/2023 của Chi cục thi hành án huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội. Buộc anh Tuấn A còn phải nộp số tiền 14.369.000đ (Mười sáu triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng N theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thiện